TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2024/DS-ST
Ngày: 26 – 8 – 2024
V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Viết Nguyên.
2. Ông Nguyễn Văn Cúc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thế Vinh, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Gia T, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh A, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Hà Duyên Q1, chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh A, tỉnh Thanh Hóa (*Theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2024*).

Địa chỉ liên hệ: Khu 4, Thị trấn B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: 1. Ông Phạm Công Q, sinh năm 1975.
2. Bà Lưu Thị H, sinh năm 1979.
3. Chị Phạm Thị L, sinh năm 2001.

Đều trú tại: Thôn P, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt ông Q1; vắng mặt ông Q, bà H và chị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2023, bản tự khai ngày 09 tháng 4 năm 2024, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

- Ngày 21/5/2020, ông Phạm Công Q (và cũng là người được bà Lưu Thị H và chị Phạm Thị L ủy quyền) ký Hợp đồng tín dụng số 3512-LAV- 202002221 với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam vay số tiền là 1.000.000.000đ, mục đích vay là sửa nhà ở, mua sắm vật dụng sinh hoạt; thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất vay là 11,5%/năm, lãi xuất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn.

- Ngày 08/8/2022, ông Phạm Công Q (và cũng là người được bà Lưu Thị H và chị Phạm Thị L ủy quyền) tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số 3512-LAV-202203498 với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam vay số tiền là 1.200.000.000đ; phương thức cho vay theo hạn mức; thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ theo từng báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ; mục đích vay là bổ sung vốn lưu động vào phương án kinh doanh đồ mộc dân dụng; lãi suất vay là 9%/năm, lãi xuất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Khi vay, gia đình ông Phạm Công Q đã dùng tài sản của mình để ký Hợp đồng thế chấp với Ngân hàng đảm bảo cho khoản vay. Tài sản thế chấp gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 56 (1), tờ bản đồ 3, với diện tích 56m^2, địa chỉ: P, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mang tên hộ ông Phạm Công Q và bà Lưu Thị H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 405869 vào sổ số H 00466 do UBND huyện Yên Định cấp ngày 08/3/2007 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3512/124/12/2020/HĐBĐ ngày 21/5/2020.

Qúa trình vay nợ, gia đình ông Q mới trả được một phần khoản nợ, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng ký kết. Ngân hàng đã đôn đốc trả nợ nhưng gia đình ông Q vẫn không thanh toán được nợ theo đúng thỏa thuận cho Ngân hàng. Qúa trình giải quyết vụ án, gia đình ông Q đã trả được cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là 446.891.344đ. Vì vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án xin được rút một phần yêu cầu buộc ông Q, bà H và chị L phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc là 446.891.344đ; Và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q, bà H và chị L phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ cho Ngân hàng tính đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm 26/8/2024 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, cụ thể:

Đối với khoản vay 1.000.000.000đ: Số tiền ông Q, bà H và chị L còn nợ Ngân hàng là 466.936.987đ, trong đó tiền gốc là 400.000.000đ, tiền lãi 66.936.987đ.

Đối với khoản vay 1.200.000.000đ: Số tiền ông Q, bà H và chị L còn nợ Ngân hàng là 183.612.179đ, trong đó tiền gốc là 145.108.656đ, tiền lãi 38.503.523đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi của hai khoản vay tính đến 26/8/2024 Ngân hàng yêu cầu ông Q, bà H và chị L phải liên đới trả là 650.549.166đ. Và ông Q, bà H và chị L

phải liên đới chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán xong nợ với lãi xuất theo thỏa thuận của các bên đã ký kết.

Trường hợp ông Q, bà H và chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 3512-LAV- 202002221 ngày 21/5/2020 và Hợp đồng tín dụng số 3512-LAV- 202203498 ngày 08/8/2022 thì đề nghị Tòa án tuyên bố Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 05 tháng 6 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lưu Thị H trình bày:

- Ngày 21/5/2020, bà và chị Phạm Thị L có văn bản ủy quyền cho ông Phạm Công Q ký Hợp đồng tín dụng số 3512-LAV- 202002221với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam vay số tiền là 1.000.000.000đ, mục đích vay là đầu tư xây dựng nhà ở, mua sắm vật dụng sinh hoạt; thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất vay là 11,5%/năm, lãi xuất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn.

- Ngày 08/8/2022, ông Phạm Công Q, là chồng bà, đại diện theo ủy quyền của bà và chị Phạm Thị L tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số 3512-LAV- 202203498 với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam vay số tiền là 1.200.000.000đ; phương thức cho vay theo hạn mức; thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ theo từng báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ; mục đích vay là bổ sung vốn lưu động vào phương án kinh doanh đồ mộc dân dụng; lãi suất vay là 9%/năm, lãi xuất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Khi vay, gia đình bà đã dùng tài sản của mình để ký Hợp đồng thế chấp với Ngân hàng đảm bảo cho khoản vay. Tài sản thế chấp gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 56 (1), tờ bản đồ 3, với diện tích 56m^2, địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mang tên hộ ông Phạm Công Q và bà Lưu Thị H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 405869 vào sổ số H 00466 do UBND huyện Yên Định cấp ngày 08/3/2007 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3512/124/12/2020/HĐBĐ ngày 21/5/2020.

Qúa trình vay nợ, do điều kiện làm ăn gặp khó khăn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Qúa trình giải quyết vụ án, gia đình bà đã trả được thêm một phần tiền nợ. Nay, Ngân hàng khởi kiện, tính đến ngày hòa giải 06/5/2024, gia đình bà còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền là 632.020.573đ, trong đó: Tiền gốc 545.108.656đ, tiền lãi 86.911.917đ và tiền lãi cho đến khi thanh toán nợ thì bà đồng ý. Bà đề nghị Ngân hàng cho thêm thời gian để gia đình bà thu xếp trả nợ. Trường hợp không trả được nợ thì Ngân hàng xử lý tài sản đã thế chấp theo quy định.

Qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Công Q và chị Phạm Thị L đã nhận được giấy triệu tập làm việc nhưng đều vắng mặt. Do đó, ông Q, chị L không có bản tự khai trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và rút một phần yêu cầu ông Q, bà H, chị L phải trả số tiền nợ gốc là 446.891.344đ. Bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 280, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 398, 401, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ một phần yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 446.891.344đ. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Công Q, bà Lưu Thị H và chị Phạm Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tính đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm 26/8/2024 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 650.549.166đ. Và ông Q, bà H, chị L phải liên đới chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán xong nợ với lãi xuất theo thỏa thuận của các bên đã ký kết.

Trường hợp ông Phạm Công Q, bà Lưu Thị H và chị Phạm Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 56 (1), tờ bản đồ 3, với diện tích 56m^2, địa chỉ: P, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mang tên hộ ông Phạm Công Q và bà Lưu Thị H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 405869 vào sổ số H 00466 do UBND huyện Yên Định cấp ngày 08/3/2007 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3512/124/12/2020/HĐBĐ ngày 21/5/2020. Về án phí: Đề nghị HĐXX thực hiện theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bị đơn có hộ khẩu thường trú cũng như nơi ở hiện nay tại Thôn P, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa thụ lý và giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định pháp luật theo Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

2.1. Về số tiền nợ gốc và lãi:

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và ông Phạm Công Q (là người đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Thị H và chị Phạm Thị L) ký Hợp đồng tín dụng số 3512-LAV- 202002221 ngày 21/5/2020 vay số tiền là 1.000.000.000đ, mục đích vay là sửa nhà ở, mua sắm vật dụng sinh hoạt, thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay là 11,5%/năm, lãi xuất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn. Và ngày 08/8/2022, tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số 3512-LAV- 202203498 vay số tiền là 1.200.000.000đ; phương thức cho vay theo hạn mức; thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ theo từng báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ; mục đích vay là bổ sung vốn lưu động vào phương án kinh doanh hàng nông sản; lãi suất vay là 8%/năm, lãi xuất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn. Hợp đồng có đầy đủ chữ ký của các bên. Khi ký kết hợp đồng, bà Lưu Thị H và chị Phạm Thị L đã có văn bản ủy quyền cho ông Phạm Công Q thực hiện ký kết với Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc ký kết Hợp đồng tín dụng giữa các bên đương sự là có thật, hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức và phù hợp với quy định của pháp luật về hình thức và nội dung; lãi suất các bên thỏa thuận cũng phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa Ngân hàng và ông Phạm Công Q là hợp pháp nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng các thỏa thuận theo hợp đồng ký kết. Qúa trình thực hiện hợp đồng, ông Q, bà H và chị L đã thanh toán được một phần tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Trong qúa trình giải quyết vụ án, ông Q, bà H và chị L tiếp tục trả được số tiền nợ gốc là 446.891.344đ. Tại tòa, Ngân hàng đã giao nộp cho Tòa án bảng kê tính lãi đến ngày 26/8/2024, Hội đồng xét xử kiểm tra, đối chiếu thấy rằng việc tính lãi của Ngân hàng là phù hợp. Tính đến ngày mở phiên tòa xét xử 26/8/2024, ông Q, bà H và chị L còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể như sau:

Đối với khoản vay 1.000.000.000đ: Số tiền ông Q, bà H và chị L còn nợ Ngân hàng là 466.936.987đ, trong đó tiền gốc là 400.000.000đ, tiền lãi 66.936.987đ.

Đối với khoản vay 1.200.000.000đ: Số tiền ông Q, bà H và chị L còn nợ Ngân

hàng là 183.612.179đ, trong đó tiền gốc là 145.108.656đ, tiền lãi 38.503.523đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi của hai khoản vay tính đến ngày 26/8/2024 là 650.549.166đ.

Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Phạm Công Q, bà Lưu Thị H và chị Phạm Thị L phải trả tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 650.549.166đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 466 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Ông Q, bà H và chị L tiếp tục phải trả lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

2.2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 3512-LAV-202002221 ngày 21/5/2020 và Hợp đồng tín dụng số 3512-LAV- 202203498 ngày 08/8/2022 thì gia đình ông Q đã dùng tài sản của gia đình mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho trả nợ. Tài sản thế chấp là toàn bộ thửa đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 56 (1), tờ bản đồ 3, với diện tích 56m^2, địa chỉ: P, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mang tên hộ ông Phạm Công Q và bà Lưu Thị H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 405869 vào sổ số H 00466 do UBND huyện Yên Định cấp ngày 08/3/2007 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3512/124/12/2020/HĐBĐ ngày 21/5/2020 ký kết giữa Ngân hàng và Phạm Công Q. Đây là tài sản hợp pháp của gia đình ông Q. Khi gia đình ông Q, bà H và chị L vay vốn tại Ngân hàng thì ông Q (cùng là người đại diện theo ủy quyền của bà H, chị L) đồng ý ký vào Hợp đồng thế chấp tài sản và thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm. Do vậy, Hợp đồng thế chấp tài sản phù hợp với các Điều 292, 293, 298, 317, 318, 319, 321, 322 và 323 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực pháp luật và các bên phải tuân thủ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp gia đình ông Q không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2.3. Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, Ngân hàng đề nghị rút một phần yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc là 446.891.344đ. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc rút yêu cầu buộc ông Q, bà H và chị L trả số tiền nợ gốc là 446.891.344đ.

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Qúa trình giải quyết vụ án, Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chịu chi phí này, đã thanh toán xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí. Vì vậy, trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp là phù hợp.

Ông Q, bà H và chị L phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 280, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 398, 401, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Phạm Công Q, bà Lưu Thị H và chị Phạm Thị L phải trả tiền nợ gốc là 446.891.344đ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc ông Phạm Công Q, bà Lưu Thị H và chị Phạm Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tiền gốc và lãi tính đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm 26/8/2024 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, cụ thể:

Đối với khoản vay 1.000.000.000đ: Số tiền ông Q, bà H và chị L còn nợ Ngân hàng là 466.936.987đ, trong đó tiền gốc là 400.000.000đ, tiền lãi 66.936.987đ.

Đối với khoản vay 1.200.000.000đ: Số tiền ông Q, bà H và chị L còn nợ Ngân hàng là 183.612.179đ, trong đó tiền gốc là 145.108.656đ, tiền lãi 38.503.523đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi của cả hai khoản vay buộc ông Q, bà H và chị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng là 650.549.166đ (*Sáu trăm năm mươi triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, gia đình ông Q, bà H và chị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi xuất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng.

Trường hợp ông Q, bà H và chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 3512-LAV- 202002221 ngày 21/5/2020 và Hợp đồng tín dụng số 3512-LAV- 202203498 ngày 08/8/2022 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 56 (1), tờ bản đồ 3, với diện tích 56m^2, địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mang tên hộ ông Phạm Công Q và bà Lưu Thị H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 405869 vào sổ số H 00466 do UBND huyện Yên Định cấp ngày 08/3/2007 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3512/124/12/2020/HĐBĐ ngày 21/5/2020 ký kết giữa Ngân hàng và ông Phạm Công Q.

3. *Về án phí*: Ông Phạm Công Q, bà Lưu Thị H và chị Phạm Thị L phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 30.021.966đ (*Ba mươi triệu, không trăm hai mươi mốt nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.495.000đ (*Hai mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: AA/2022/0003409 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

4. *Về quyền kháng cáo bản án*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Nguyễn Thị Hoa